TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2026/QĐST-DS	*Gia Lai, ngày 15 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – GIA LAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Rmah
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Châu
2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 103/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 24/10/2010, số CCCD: 064210000746 và cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 14/10/2014, mã định danh: 064314001128. Nơi thường trú: Thôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A: Bà Đỗ Thị Bích L, sinh năm: 1985, số CCCD: 064185003880 (là mẹ đẻ); Nơi thường trú: Số D L, tổ A, phường D, tỉnh Gia Lai (trước đây là số D L, tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Bích L tham gia tố tụng: Ông Tống Đức N, sinh năm: 1968, số CCCD: 038068043505. Nơi thường trú: Số A L, phường D, tỉnh Gia Lai (trước đây là số A L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế N1, sinh năm 1995. Số CCCD: 064095016980. Nơi thường trú: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hàng thừa kế: Các đương sự xác nhận ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963, chết ngày 27/10/2022. Ông Nguyễn Văn T có 03 người con và thuộc hàng thừa kế thứ nhất là anh Nguyễn Thế N1, sinh năm: 1995; cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 24/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 14/10/2014.

Ngoài ra ông Nguyễn Văn T không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Trước khi chết ông T không để lại di chúc hay văn bản phân chia tài sản, bố mẹ của ông T cũng đều chết trước ông T.

2.2. Về di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T chết để lại gồm:

*** Đối với đất:**

+ Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32; địa chỉ thửa đất tại thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai), diện tích theo đo đạc thực tế là 361,2m^2 theo Giấy chứng nhận QSD đất số BP 104683 do UBND huyện Đ cấp ngày 22/8/2013 mang tên ông Nguyễn Văn T, năm sinh 1963.

+ Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 32; địa chỉ thửa đất tại thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai), diện tích theo đo đạc thực tế là 108,9m^2 theo Giấy chứng nhận QSD đất số BL 843805 do UBND huyện Đ cấp ngày 20/11/2012 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Bích L, được thay đổi phân chia tài sản cho ông Nguyễn Văn T theo văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung số 1130 được Văn phòng C chứng thực ngày 17/8/2017 và Văn phòng Đ Chi nhánh huyện Đ chỉnh lý xác nhận ngày 11/9/2017.

+ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32; địa chỉ thửa đất tại thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai), diện tích theo đo đạc thực tế là 492,6m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số BD 377246, được UBND huyện Đ cấp ngày 11/5/2010 mang tên ông Nguyễn Văn T, năm sinh 1963.

(Có bản vẽ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

*** Đối với tài sản trên đất:**

- 01 căn nhà hai tầng, công trình cấp 3, diện tích xây dựng 116m^2, diện tích sàn 208,6m^2 (toàn bộ căn nhà xây dựng trên 02 thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32 và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 32.
- 01 căn nhà 01 tầng (phòng karaoke) công trình cấp 4, có diện tích xây dựng là 152 m^2 được xây dựng trên thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32.
- 01 nhà quán cà phê hình lục giác có diện tích 23,7m^2, được xây dựng trên thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32.
- 01 nhà quán cà phê, lợp tôn, công trình cấp 4 có diện tích xây dựng 42m^2, được xây dựng trên thửa đất số 05, tờ bản đồ số 32.
- 02 mái che khung sắt, lợp tôn có diện tích 18,7m^2 và 27m^2 được xây dựng trên thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32.
- 02 mái che khung sắt, lợp tôn có diện tích 7m^2 và 11m^2 được xây dựng trên thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32.
- 01 nhà chòi có diện tích 40m^2 được xây dựng trên thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32.

2.3. Phân chia cho cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 24/10/2010 và cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 14/10/2024 phần diện tích đất và tài sản trên đất sau:

*** Đối với đất**

- Một phần thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32, diện tích 278,8m^2 (đất ở tại đô thị), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 104683 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22 tháng 8 năm 2013 mang tên ông Nguyễn Văn T, diện tích đất có vị trí giáp ranh như sau:

+ Hướng Bắc giáp quốc lộ A dài 6,4 mét;

+ Hướng Nam giáp thửa đất của ông S dài 2,3 mét + 0,63 mét; Giáp thửa đất số 12 tờ bản đồ số 32 dài 5,81 mét;

+ Hướng Tây giáp thửa đất của ông S dài 26.2 mét + 7,7 mét + 8 mét;

+ Hướng Đông giáp phần diện tích đất được chia cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 32) dài 19,56 mét; Giáp phần diện tích đất được chia cho anh Nguyễn Thế N1 (thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32) dài 22,79 mét.

Trị giá diện tích đất trên: 9.490.000 đồng/m^2 x 278,8m^2 =**2.645.812.000 đồng** *(Hai tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm mười hai nghìn đồng)*.

- Một phần thửa đất số 05, tờ bản đồ số 32, diện tích 30,8m^2 (đất ở tại đô thị), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 843805 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22 tháng 11 năm 2012 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Bích L, được thay đổi phân chia tài sản cho ông Nguyễn Văn T theo văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung số 1130 được Văn phòng C chứng thực ngày 17/8/2017 và Văn phòng Đ Chi nhánh huyện Đ chỉnh lý xác nhận ngày 11/9/2017, diện tích đất có vị trí giáp ranh như sau:

+ Hướng Bắc giáp quốc lộ A dài 1,47 mét;

+ Hướng Nam giáp phần diện tích đất được chia cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32) dài 1,67 mét;

+ Hướng Tây giáp giáp phần diện tích đất được chia cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32) dài 19,56 mét;

+ Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 05 tờ bản đồ số 32 *(phần đất được chia cho ông Nguyễn Thế N1)* dài 19,56 mét.

Trị giá diện tích đất trên: 9.490.000 đồng/m^2 x 30,8m^2 = **292.292.000 đồng** *(Hai trăm chín mươi hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng)*.

- Một phần diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32, diện tích 253,3m^2 (trong đó đất ở tại đô thị 200m^2; đất trồng cây lâu năm 53,3m^2), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 377246, được UBND huyện Đ cấp ngày 11/5/2010 mang tên ông Nguyễn Văn T, diện tích đất có vị trí giáp ranh như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần diện tích đất được chia cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32) dài 5,81 mét; Giáp phần diện tích đất được chia cho anh Nguyễn Thế N1 (thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32) dài 3,6 mét, giáp diện tích đất của ông H dài 0,57 mét.

+ Hướng Nam giáp đường hiện trạng dài 10,18 mét;

+ Hướng Tây giáp khu dân cư dài 7,11 mét + 18,09 mét;

+ Hướng Đông giáp phần diện tích đất được chia cho anh Nguyễn Thế N1 (thuộc thửa đất số 12 tờ bản đồ số 32) dài 24,23 mét.

Trị giá diện tích đất trên: (5.861.000 đồng/m^2 x 200m^2 = 1.172.200.000 đồng) + (5.676.000 đồng/m^2 x 53,3m^2 = 302.530.800 đồng) = **1.474.730.800 đồng** *(Một tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng)*.

*** Đối với tài sản trên đất:**

- Toàn bộ căn nhà hai tầng, công trình cấp 3, diện tích xây dựng 116m^2, diện tích sàn 208,6m^2, móng xây đá hộc, tường xây gạch có tô trát và sơn tường, mái lợp tôn, nền lát gạch ceramic (toàn bộ căn nhà xây dựng trên 02 thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32 và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 32). Trị giá: 208,6m^2 x 7.270.000 đồng/1m^2 x 70% = **1.061.565.400 đồng** *(Một tỷ không trăm sáu mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm đồng)*.

- Toàn bộ căn nhà 01 tầng (phòng karaoke) công trình cấp 4, có diện tích xây dựng là 152 m^2, móng xây đá hộc, tường xây gạch có tô trát và sơn tường, mái lợp tôn, nền lát gạch ceramic được xây dựng trên thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32. Trị giá: 152 m^2 x 2.933.000 đồng/1m^2 x 55% = **245.198.800 đồng** (Hai trăm bốn mươi lăm triệu một trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng).

- 01 nhà quán cà phê hình lục giác có diện tích 23,7m^2, được xây dựng trên thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32 Trị giá 23,7m^2 x 1.866.000 đồng/1m^2 x 50% = **22.112.100 đồng** *(Hai mươi hai triệu một trăm mười hai nghìn một trăm đồng)*.

*** Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là:** 2.645.812.000 đồng + 292.292.000 đồng + 1.474.730.800 đồng + 1.061.565.400 đồng + 245.198.800 đồng + 22.112.100 đồng = **5.741.711.100 đồng *(Năm tỷ bảy trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm mười một nghìn một trăm đồng).***

(Có bản vẽ trích đo hiện trạng sử dụng đất theo thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn kèm theo).

2.4. Phân chia cho anh Nguyễn Thế N1, sinh năm: 1995 phần diện tích đất và tài sản trên đất sau:

*** Đối với đất.**

- Một phần diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 32, diện tích 78,1m^2 (đất ở tại đô thị), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 843805 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22 tháng 11 năm 2012 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Bích L, được thay đổi phân chia tài sản cho ông Nguyễn Văn T theo văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung số 1130 được Văn phòng C chứng thực ngày 17/8/2017 và Văn phòng Đ Chi nhánh huyện Đ chỉnh lý xác nhận ngày 11/9/2017, diện tích đất có vị trí giáp ranh như sau:

+ Hướng Bắc giáp quốc lộ A dài 4,00 mét;

+ Hướng Nam giáp phần diện tích đất được chia cho anh Nguyễn Thế N1 (thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32) dài 3,60 mét; Giáp phần diện tích được chia cho cháu

Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32) dài 0,40 mét.

+ Hướng Tây giáp giáp phần diện tích đất được chia cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 32) dài 19,56 mét;

+ Hướng Đông giáp thửa đất của ông H dài 19,56 mét.

Trị giá diện tích đất trên: 9.490.000 đồng/m^2 x 78,1m^2 = **741.169.000 đồng** *(Bảy trăm bốn mươi mốt triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng)*.

- Một phần diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 32, diện tích 82,4m^2 (đất ở tại đô thị), địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 104683 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22 tháng 8 năm 2013 mang tên ông Nguyễn Văn T, diện tích đất có vị trí giáp ranh như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần diện tích đất được chia cho anh Nguyễn Thế N1 (thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 32) dài 3,6 mét;

+ Hướng Nam giáp phần diện tích đất được chia cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 12 tờ bản đồ số 32) dài 3,60 mét.

+ Hướng Tây giáp phần diện tích đất được chia cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32) dài 22,79 mét;

+ Hướng Đông giáp thửa đất của ông H dài 23.00 mét.

Trị giá diện tích đất trên: 9.490.000 đồng/m^2 x 82,4m^2 = **781.976.000 đồng** *(Bảy trăm tám mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)*.

- Một phần diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32, diện tích 239,3m^2, (trong đó đất ở tại đô thị 200m^2; đất trồng cây lâu năm 39,3m^2) địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã Đ, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận QSD đất số BD 377246, được UBND huyện Đ cấp ngày 11/5/2010 mang tên ông Nguyễn Văn T, diện tích đất có vị trí giáp ranh như sau:

+ Hướng Bắc giáp phần diện tích đất của ông H và ông T1 dài 9,90 mét.

+ Hướng Nam giáp đường hiện trạng dài 10,18 mét;

+ Hướng Tây giáp phần diện tích đất được chia cho cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (thuộc thửa đất số 12 tờ bản đồ số 32) dài 24,23 mét;

+ Hướng Đông giáp thửa đất số 11 dài 23,50 mét.

Trị giá diện tích đất trên: (5.861.000 đồng/m^2 x 200m^2 = 1.172.200.000 đồng) + (5.676.000 đồng/m^2 x 39,3m^2 = 223.066.800 đồng) = **1.395.266.800 đồng** *(Một tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng)*.

*** Đối với tài sản trên đất:**

- 01 nhà quán cà phê, mái lợp tôn, công trình cấp 4 có diện tích xây dựng 42m^2, móng xây đá hộc, tường xây gạch có tô trát và sơn tường, mái lợp tôn, nền lát gạch ceramic được xây dựng trên thửa đất số 05, tờ bản đồ số 32. Trị giá 42m^2 x 2.933.000 đồng/1m^2 x 55%= **67.752.300 đồng** *(Sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn ba trăm đồng)*.

- 02 mái che khung sắt, mái lợp tôn, có diện tích 18,7m^2 và 27m^2. được xây dựng trên thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32. Trị giá 45,7m^2 x 585.000 đồng/1m^2 x 50% = **13.367.250 đồng** *(Mười ba triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng)*.

- 02 mái che khung sắt có diện tích 7m^2 và 11m^2. được xây dựng trên thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32. Trị giá: 18m^2 x 585.000 đồng/1m^2 x 50% = **5.265.000 đồng** *(Năm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*.

- 01 nhà chòi có diện tích 40m^2, được xây dựng trên thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32. Trị giá 40m^2 x 3.121.000/1m^2 x 50% = **62.420.000 đồng** *(Sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn)*.

*** Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là:** 741.169.000 đồng + 781.976.000 đồng + 1.395.266.800 đồng + 67.752.300 đồng + 13.367.250 đồng + 5.265.000 đồng + 62.420.000 đồng = **3.067.216.350 đồng** *(Ba tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm mười sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng)***.**

(Có bản vẽ trích đo hiện trạng sử dụng đất theo thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn kèm theo).

2.5. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đăng ký đất đai để thực hiện thủ tục cấp đổi, tách thửa, nhập thửa, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 75.000.000 đồng *(Bảy mươi lăm triệu đồng)*. Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận, nguyên đơn cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A tự nguyện chịu 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, bị đơn anh Nguyễn Thế N1 tự nguyện chịu 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng)*. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền 75.000.000 đồng *(Bảy mươi lăm triệu đồng)* nên buộc bị đơn anh Nguyễn Thế N1 phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng)*.

2.7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn cháu Nguyễn Nam P và cháu Nguyễn Thị Hoài A (nguyên đơn dưới 16 tuổi, là trẻ em đã có đơn xin miễn án phí).

- Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.499.800 đồng *(Mười tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010729 ngày 10/12/2024 và 36.000.000 đồng *(Ba mươi sáu triệu đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010728 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Gia Lai).

- Buộc bị đơn anh Nguyễn Thế N1 phải chịu 93.344.327 đồng *(Chín mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10 – Gia Lai;
- Phòn THADS khu vực 10 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Rmah HThuyên